

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA LÀNG XÃ THỪA THIÊN - HUẾ

BÙI THỊ TÂN*

1. Thừa Thiên - Huế được sát nhập vào lãnh thổ Đại Việt từ đầu thế kỷ XIV (1306). Quá trình di dân Việt vào khai khẩn, dựng làng có tổ chức cũng bắt đầu từ đây. Dĩ nhiên, khi người Việt đến lập làng, sinh sống, đây không phải là vùng đất hoang vô chủ. Trước đó, từ lâu cư dân Chăm đã sinh tụ, tạo lập nên một nền kinh tế văn hóa, xã hội phát triển mà dấu tích còn lại mãi đến ngày nay. Mặc dù sự chuyển nhượng đất đai diễn ra lần này là trong hòa bình, trong quan hệ thân hữu giữa hai vương triều quân chủ Đại Việt - Champa, nhưng đối với người Việt, đây vẫn là vùng đất mới xa xôi cách trở, đầy khó khăn. Những người Việt đầu tiên đến đây sinh sống chủ yếu là binh lính với trách nhiệm, nghĩa vụ nhà nước giao những tù binh, tội nhân bị đi đày. Những nông dân nghèo khổ, những người có chút lòng mạo hiểm, can trường đành rời quê hương cũ, tìm vận may nơi đất mới. Điều là sự bất đắc dĩ. Những tụ điểm cư dân Việt đầu tiên sống cạnh các làng xóm cư dân Chăm. Sự chung lưng đấu cật trong khai thác đất đai tạo lập xóm làng, chế ngự thiên nhiên, phát triển sản xuất đã dẫn đến sự giao lưu văn hóa giữa cư dân, làng mạc Chăm - Việt. Sự hòa hợp, đan xen trong kinh tế, văn hóa là lẽ thường diễn ra từ từ, tự nhiên như là nhu cầu cần có.

Thế kỷ XV đầu XVI, đặc biệt dưới thời Lê Thánh Tông (1460 - 1497), công cuộc khai khẩn vùng đất phía Nam được xúc tiến. Chính sách khuyến khích di dân khai hoang lập làng, lập đồn điền của nhà Lê cùng với sự hưởng ứng của nông dân nghèo, sự lao động gian khổ của binh lính, chiến tù, tội nhân... Đất Thuận Hóa được khai thác nhanh chóng. Cư dân Việt và làng Việt được mở rộng thêm và lập mới ngày càng nhiều. Sau những biến cố chính trị, xã hội, người Chăm lui dần về

* Tiến sĩ, Đại học Huế. Việt Nam.

phần đất còn lại ở phía Nam và một bộ phận có thể đạt dần lên miền rừng núi phía Tây... Dân Việt, làng Việt dần dần chiếm phần đông và trở thành lực lượng chính tiếp nối sự phát triển vùng này. Cư dân Chăm chỉ còn là bộ phận nhỏ sống đan xen cùng cư dân Việt đã đông lên nhiều ở đồng bằng ven sông, biển, đầm phá. Tuy nhiên, văn hóa Chăm - một nền văn hóa phát triển khá cao và độc đáo còn ảnh hưởng mãi và không ít sâu đậm trong văn hóa làng xứ này.

Làn sóng dân di chuyển vào Thừa Thiên - Huế định cư lập làng được đặc biệt xúc tiến mạnh mẽ từ sau khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa bắt đầu xây dựng cơ sở cát cứ (1558). Làng cũ tiếp nhận thêm nguồn lao động mới để khai phá, mở rộng lãnh thổ, cùng hàng loạt làng xã mới được xây dựng thêm. Bên cạnh vùng đồng bằng tiện lợi ven sông, ven trục đường giao thông thủy bộ đã được tận dụng, khai thác, vùng gò đồi và vùng ven biển, đầm phá - tiềm năng đang dồi dào, cư dân thưa vắng cũng được đẩy mạnh khai phá. Hàng loạt làng xã nông nghiệp - nông ngư ở đây được thiết lập vào khoảng thời gian này.

Cư dân đến Thừa Thiên bấy giờ không chỉ còn là tội nhân, chiến tù, binh lính và nông dân nghèo khổ. Ngay dưới thời Lê Sơ, hưởng ứng chính sách xây dựng phen đậu phía Nam Tổ quốc của triều đình, không ít binh tướng, quan lại đã chiêu mộ dân nghèo, mang theo gia quyến, bà con họ hàng, binh sĩ thân tín, đến đây tìm đất mới lập nghiệp. Phần lớn họ trở thành tiên hiền, khai canh của các làng xã trong vùng. Lực lượng ra đi cùng Nguyễn Hoàng và sau đó tìm đến đất Đàng Trong của các chúa Nguyễn cũng có một bộ phận đáng kể là tội thân, bộ khúc, quan lại, tướng lĩnh, do trung thành với họ Nguyễn hoặc vì bất mãn với Mạc, Lê, Trịnh mà tìm đến. Họ trở thành những người tập hợp, nhóm họp các dân nghèo - những người đã tự nguyện, hoặc bị cưỡng bức vào đây lao động, khai phá đất đai mở rộng hoặc tạo dựng làng ấp.

Như vậy, nguồn dân cư tạo lập nên làng mạc xứ Huế từ thế kỷ XIV về sau, ngoài một bộ phận không lớn là cư dân Chăm lưu lại thì chủ yếu là cư dân từ nhiều làng quê khác nhau ở Bắc bộ, Bắc Trung bộ di chuyển vào ở những thời điểm khác nhau mà đông đảo nhất là từ vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh. Các đợt di dân khá quy mô có tổ chức dưới thời Lê Sơ, thời chúa Nguyễn bao gồm nhiều thành phần khác nhau trong xã hội trong đó có bộ phận không nhỏ xuất thân từ tầng lớp quan lại văn võ, địa chủ giàu có. Dĩ nhiên dù ở giai từng nào, họ vẫn mang theo trong mình những tập quán nếp sống của làng quê cũ. Nhưng từ trong tư tưởng nhận thức, thiết chế xây dựng làng xóm mới không đơn sơ, giản dị như là một tập hợp liên kết tự nguyện của những người tha hương các thế kỷ đầu. Mô hình làng xã được thiết lập trên vùng đất mới tất nhiên đó là mô hình làng Việt truyền thống, nhưng được hình thành ở giai đoạn mà chế độ phong kiến đã phát triển, đơn vị hành chính cấp cơ sở từng bước phong kiến hóa. Đây lại là cơ sở cho một vương triều của dòng họ đang tìm cách khẳng định mình là đất dựng nghiệp

của họ Nguyễn... Song một điều cũng dễ nhận ra là tập hợp cư dân của những làng ấp mới này vốn từ những làng quê, vùng đất khác nhau tập hợp lại. Và, họ cùng góp các vốn liếng riêng của mỗi làng quê đó để xây dựng nên một cấu trúc làng xóm, một lối sinh hoạt văn hóa của cộng đồng mới này. Sự kế thừa, giao lưu và tiếp nhận những di sản cộng đồng Chăm, sự tổng hợp của sắc thái các làng quê xứ Bắc, Bắc Trung Bộ tạo nên làng mạc xứ Huế. Các thế kỷ XVII - XVIII, do tình hình chính trị biến động ở Trung Hoa, một bộ phận cư dân Hán di cư sang ở các phố cảng, thị trấn và cả làng xóm vùng thôn quê, nhưng tác động đến đời sống làng xã không nhiều. Cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX một bộ phận cư dân, nhất là quan lại, binh tướng và gia thuộc họ từ Quy Nhơn, Nam Bộ ra xứ Huế thời Nguyễn Huệ, Nguyễn Gia Long. Nhưng cũng vẫn là cư dân Việt có gốc gác từ đất Bắc, thậm chí từ xứ Huế.

Vậy là, làng xã Thừa Thiên - Huế căn bản là làng Việt được ra đời, phát triển trên cơ tầng làng mạc Chăm. Yếu tố văn hóa Chăm dần dần bị lấn át, chỉ còn tiềm ẩn, đan xen trong đời sống vật chất và sinh hoạt tinh thần của cộng đồng cư dân mới được tập hợp, dung hòa từ nhiều miền quê lại mà đông đảo nhất vẫn là miền Hoan - Ái.

2. Một điểm đáng lưu ý là, phần lớn làng xã ở đây được ra đời, phát triển trong thời kỳ chế độ phong kiến đã xác lập vững chắc và phát triển. Nó chịu tác động mạnh và trực tiếp của các vương triều quân chủ. Vậy nên, ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến trong mô thức xây dựng làng xã trên các phương diện không phải là sâu đậm. Suốt từ thế kỷ XVII, Phú Xuân là thủ phủ đất Đàng Trong và thế kỷ XIX là kinh đô của nước Đại Nam thống nhất - nơi triều đình quân chủ thiết lập bộ máy chính quyền trung ương ngày càng quy mô đồ sộ. Làng xã - nông thôn Thừa Thiên bao quanh Phú Xuân - Huế trong một không gian không lớn lại sát núi, kề biển. Điều đó khiến cho sắc thái văn hóa làng quê Huế ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến đương thời, chất đô thị khá đậm đà và đan xen các tố chất biển, núi rừng khá rõ từ phương thức hoạt động kinh tế, văn hóa ẩm thực đến lễ hội làng, họ... Thế kỷ XVIII, trong sách *Phủ biên tạp lục* Lê Quý Đôn cũng đã từng ngạc nhiên bởi đời sống phong lưu nơi dân quê qua đoạn mô tả về y phục của họ : “Những sắc mực ở dân gian cũng mặc áo đoạn hoa, bát ty và áo sa, lương, địa làm đồ mặc ra vào thường lấy áo vải, áo mộc làm hổ thẹn... Đàn bà con gái thì đều mặc áo the là và hàng hoa, thêu hoa ở cổ tròn”.

Thời Nguyễn, không gian đế đô Huế mở rộng hơn hẳn các thời kỳ trước cả về kiến trúc đế đô, hoàng phủ và kinh tế văn hóa. Các vua Nguyễn đã xây dựng lăng tẩm vươn tới Đỉnh Môn, ngã ba Bằng Lăng, Dương Xuân, Cư Chánh, Châu Ê Trong hệ thống 85 phủ của các hoàng tử triều Nguyễn có đến một nửa số phủ nằm ngoài các phường thuộc địa giới hành chính thành phố hiện nay. Phần lớn các “danh gia vọng tộc” và các thợ thủ công làm nghề dịch vụ lại sống ở khu vực

Bao Vinh, Kim Long, Vỹ Dạ, Nam Phổ, Ngọc Anh, Thế Lại, Nguyệt Biểu, An Cựu... Như thế, một cách tự nhiên, tố chất thị thành, kiểu sống quyền quý, đài các, thanh lịch của bậc quan lại vương giả, trí thức... đan xen bên cạnh và ngay trong làng xóm. Sự có mặt của từng lớp này dù ít, cùng những nếp sinh hoạt có tác động đến cung cách, nếp sống của mỗi làng quê, nhất là đối với tầng lớp trên. Đất kinh kỳ cũng đã tạo điều kiện và thúc đẩy sự học hành, thi cử, khích lệ tâm lý vươn lên giai tầng, đẳng cấp trên trong xã hội. Đó là tố chất tạo nên đội ngũ đông đảo các nho đồ, nho sinh và rồi cả một tầng lớp sĩ quan, binh lính đông đảo ở các làng quê nơi đây. Một tỷ lệ mà có lẽ không vùng quê nào đạt được ở thời điểm thế kỷ XVIII - XIX. Điều này làm cho sinh hoạt văn hóa làng quê trong vùng có hơi hướng của văn hóa cung đình khá rõ nét, nhất là trong sinh hoạt có tính cộng đồng : cúng tế thần linh, hội hè, đình đám và cả trong nếp ứng xử, trong sinh hoạt dân gian. Tế đình, hội làng hàng năm dù của một làng, nhưng mỗi năm đều tổ chức linh đình với các nghi thức cầu kỳ, sang trọng, tiến hành rầm rộ trong khoảng thời gian mấy ngày liên tục. Từ lễ phục, nghi thức nghinh rước thần linh, nghi thức hành lễ vừa bảo lưu tính truyền thống cổ xưa nhưng cũng cầu kỳ hóa, mang tính khích lệ, phô trương dân. Sự duy trì số lượng lớn ruộng đất công làng xã là cơ sở kinh tế quan trọng cho những sinh hoạt lễ nghi, tín ngưỡng mang tính cộng đồng của làng. Và, một trong những lý do quan trọng cho sự bảo lưu nhiều và lâu dài của ruộng đất công làng xã vùng này cũng chính là phương thức khai phá dựng làng dưới tác động của nhà nước và những biện pháp khuyến khích bảo vệ của triều đình quân chủ và mỗi làng xã. Sinh hoạt ở hương thôn, gia tộc, trong đời sống gia đình ảnh hưởng của chuẩn mực đạo đức phong kiến quả là đậm đà và lâu bền.

3. Vai trò của tổ chức họ còn để lại nhiều dấu tích trong đời sống tinh thần các làng xã vùng Thừa Thiên. Họ, ở nước ta khởi đầu là từ quan niệm huyết thống và cội nguồn, tồn tại ở mọi vùng quê, nhưng mức độ thì không giống nhau. Ở đây còn do sự tác động không nhỏ bởi lịch sử khai phá các làng. Buổi đầu tạo dựng xóm làng, cộng đồng họ có vai trò quan trọng được khẳng định không chỉ là trong tình cảm và quan niệm. Những nhóm cư dân đầu tiên rời quê quán đi lập nghiệp trên vùng đất mới, xa lạ thường gồm một số gia đình thành viên của một họ hay vài họ. Người ta cố kết lại với nhau không phải chỉ vì quan hệ huyết thống mà còn vì nhu cầu của cuộc sống mới : Hợp tác khai hoang, xây dựng cơ sở ban đầu cho cuộc sống ổn định, chống giặc giã, thú dữ, chế ngự và khắc phục thiên nhiên khắc nghiệt ... nhóm người “khai cơ lập nghiệp” trở thành những người khai canh của làng mới, họ của những người đó trở thành họ khai canh, có nhiều cơ hội trở thành họ lớn. Nếu đó là quan lại, tướng lĩnh có công, là người ở “bản tộc”, “bản huyện” của họ Nguyễn được hưởng quyền ưu đãi hoặc có chút công lao hay học vấn thì rất dễ trở thành “hạt nhân”, trung tâm của làng. Vấn đề xác nhận địa vị, công lao của các họ trong làng trở nên quan trọng. Mỗi làng ở đây đều rất quan

tâm đến cội nguồn, gốc gác của mình, đến những người đầu tiên đặt cơ sở cho sự ra đời của làng. Mỗi làng thường thờ phụng ngũ vị, lục vị... khai canh, hoặc “nhị thập tiên hiền” là những bậc có công lao đầu ở làng. Đó là tiên tổ của các họ đến sớm muốn xác lập vị thế của mình ở làng. Triều đình quân chủ cũng góp phần vào việc duy trì và củng cố thế lực các họ. Đó là việc tiên tổ các họ khai canh đều có sắc phong thần của vua Nguyễn, xác nhận về mặt pháp lý địa vị ấy. Làng xã trích ruộng đất công của làng cấp cho các họ làm ruộng tế tự, nhiều ít tùy theo từng làng và vị thế mỗi họ trong làng. Không ít làng còn xây dựng lăng mộ, điện thờ và tổ chức tế lễ tưởng niệm hàng năm. Sự sắp xếp thứ tự các họ đến trước, đến sau, họ anh, họ em trở nên hết sức quan trọng đối với cả những người đang sống và những người đã chết. Nó liên quan đến việc giành ruộng kế tự, đến sự sắp xếp bài vị thờ ở đình làng, chỗ ngồi của con cháu họ ở chiếu làng nơi chốn đình chung. Hầu hết các họ dù lớn hay nhỏ đều đặc biệt chú ý đến việc xây dựng nhà thờ họ và nhìn chung quy mô rất lớn. Thậm chí các họ lớn chia thành nhiều chi phái, ngoài nhà thờ chung, mỗi chi phái còn xây dựng nhà thờ riêng. Chẳng hạn, ở làng Phú Bài có tới 18 nhà thờ và điện thờ họ, trong đó họ Ngô có 4 nhà thờ và 1 điện thờ ông tổ vốn là thần hoàng của làng. Họ Lê khai canh cũng có 2 nhà thờ và 1 điện thờ. Các làng nhỏ ở ven biển, ven đầm phá cũng rất chú ý đầu tư xây dựng nhà thờ họ. Nhà thờ đối với con cháu trong họ cũng gần giống như ngôi đình đối với cư dân trong làng.

Các làng ở đây, dù thành lập sớm hay muộn, dù lớn hay nhỏ thì tổ chức họ đều có một vai trò quan trọng trong cơ cấu quản lý con người, quản lý làng, thôn. Luật nước, lệ làng luôn khuyến khích củng cố mối quan hệ này bởi những quan hệ liên đới trách nhiệm. Trưởng các họ khai canh đều trở thành thành viên của Hội đồng tự quản làng, được chính thức tham gia bàn bạc, quyết định việc làm. Nhiều việc của làng lại phân bố theo họ. Trong các văn bản quan trọng : hương ước, hội ước, biên bản họp Hội đồng làng để bàn các việc thiết yếu như: cấp ruộng đất công, sử dụng các loại ruộng đất, tổ chức cúng tế thần linh đều có chữ ký của các trưởng họ chính cư. Làng Phú Bài (Hương Thủy) còn lưu được bảng quy định về việc bảo vệ rừng cây của làng do các chức sắc, viên quan và 16 trưởng họ, trưởng phái trong làng họp bàn, quyết định và cùng ký tên vào năm Tự Đức thứ 4 (1851). Một số bản thuận định được ghi rõ do đại diện của 16 tộc, phái trong làng họp bàn và đưa ra. Lăng mộ, điện thờ của các họ lớn - họ khai canh trong làng này (Ngô, Lê, Nguyễn) được xây dựng với quy mô to lớn, trùng tu nhiều lần và quy mô tổ chức tế lễ hàng năm đều do làng đứng ra tổ chức. Họ trở thành nòng cốt của làng, là sợi dây ràng buộc các thế hệ với quê hương làng xóm. Nhân dân làng Hiền Lương từ xưa vẫn lưu truyền câu : “Ly hương bất ly Tổ” để nhắc nhở con cháu đi làm ăn xa luôn hướng về cội nguồn. Quan hệ dòng họ quả là chi phối rất nhiều đến đời sống các mặt của làng quê cho đến tận ngày nay.

4. Về mô hình tổ chức, cấu trúc văn hóa làng ở Thừa Thiên - Huế căn bản giống làng xã vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh và đồng bằng Bắc Bộ : chặt, bảo lưu tính truyền thống, cố kết cộng đồng trong các mối quan hệ dòng tộc, xóm giềng, hội phường... Tuy nhiên, lịch sử hình thành và điều kiện tự nhiên chi phối khiến cho làng mạc Huế mang tính mở trong mối quan hệ liên làng, trong hướng phát triển mở rộng không gian lãnh thổ. Địa hình ở đây đa dạng, đan xen đồng bằng, gò cao, động cát, rừng cây, sông, đầm phá... Quá trình khai phá dựng làng là quá trình chiếm lĩnh dần những nơi điều kiện tự nhiên ưu đãi, thuận lợi hơn cho sản xuất nông nghiệp và đời sống làm địa bàn chính. Và từ đó, cùng với sự gia tăng của cư dân, không gian làng được mở rộng dần lên gò đồi, xuống ven đầm phá, biển cả. Một hiện tượng khá phổ biến là các làng thành lập sớm ở vùng đồng bằng trung tâm đều có xu hướng khai phá tạo lập thêm các phường, ấp nằm ngoài không gian làng khá xa. Làng Hiền Lương từ thế kỷ XVIII - XIX mở thêm 6 phường ở vùng gò đồi. Các làng Mỹ Xuyên, Phò Trạch, Ưu Điền, Phước Tích, Vân Trình... (huyện Phong Điền), các làng Dã Lê, Thanh Thủy, Thần Phù, Thanh Lam (huyện Hương Thủy), làng Mỹ Lam, Vỹ Dạ... (huyện Phú Vang) cũng vậy. Làng ở đây bố trí thoáng, không giới hạn bằng những lũy tre dày với các cổng làng. Hướng mở rộng luôn luôn đặt ra tạo nên sự xen canh, xen cư giữa các làng. Như thế cũng có nghĩa là ranh giới lãnh thổ làng không thể cố định và chặt chẽ. Các làng ven đầm phá, ven biển càng thoáng hơn. Quy mô làng vùng này thường cũng nhỏ và biến động luôn do sự bồi lắng hay xâm thực của đầm phá và biển cả, cũng có khi do sự di chuyển dân cư... Đặc điểm này chi phối đến các mặt của đời sống văn hóa. Mối giao lưu cởi mở giữa các làng tạo nên mối liên kết rộng, hạn chế bớt tình cục bộ làng.

Nhìn bề ngoài sẽ thấy dường như rất mâu thuẫn khi làng Huế cho đến nay còn bảo lưu nhiều tập tục cũ, tính cộng đồng làng, họ và thậm chí ảnh hưởng của tư tưởng, nếp sống phong kiến khá đậm nhưng xu hướng phát triển kinh tế, văn hóa của nó từ trong lịch sử luôn là hướng mở. Trong đời sống tâm linh cũng vậy. Huế là kinh đô cuối cùng của chế độ phong kiến mà tính chuyên chế cực đoan, ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo khá mạnh. Giáo dục Nho học phát triển mạnh ở vùng kinh kỳ tác động trực tiếp đến làng quê. Nhưng đồng thời Huế cũng là một trong các trung tâm Phật giáo lớn của cả nước. Mật độ chùa thật dày đặc. Làng quê cũng thế. Đời sống tâm linh của nhân dân trong vùng có những sắc thái riêng, thật phong phú, đa dạng, đan xen nhiều yếu tố. Có một cái gì đó rất sâu lắng, rất hài hòa và cũng rất khó lý giải. Hy vọng rằng sẽ có điều kiện để tiếp cận được nhiều hơn, sâu sắc hơn nhằm tìm hiểu, giới thiệu cụ thể và toàn diện hơn về làng quê xứ Huế.